

Thái Bình, ngày 04 tháng 8 năm 2023

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam).

- Địa chỉ liên hệ: Nhà xưởng P-1.1, P-1.2, Lô P1, nhà xưởng P-2.1 lô P2, nhà xưởng P-5, P-8 lô P Khu công nghiệp Trảng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Địa điểm xây dựng: Lô C-1 (thuộc lô C) Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc Dự án Nhà máy Greenworks Thái Bình Việt Nam của Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam).

- Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được thẩm tra và Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam) phê duyệt tại Quyết định số 07/QĐ-GRW ngày 26/7/2023.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thiết kế bản vẽ thi công do: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng (Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00004556) lập. Chủ trì thiết kế kiến trúc: Kiến trúc sư Nguyễn Anh Tuấn; Chủ trì thiết kế kết cấu: Kỹ sư Nguyễn Văn Dưỡng; Chủ trì thiết kế cơ - điện: Kỹ sư Trần Hữu Vinh; Chủ trì thiết kế cấp, thoát nước: Kỹ sư Vũ Thị Thanh Hoa.

- Cơ quan thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Bộ Công thương (Văn bản số 3780/BCT-CN ngày 16/6/2023).

- Cơ quan thẩm duyệt PCCC: Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an (Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 2043/TD-PCCC ngày 25/7/2023 của Cục cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an);

- Đơn vị thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và giám định xây dựng Sao Việt (Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00003593). Chủ trì thẩm tra thiết kế kiến trúc: Kiến trúc sư Nguyễn Ngọc Vinh; Chủ trì thẩm tra thiết kế kết cấu: Kỹ sư Đặng Xuân Dương; Chủ trì thẩm tra thiết kế cơ - điện: Kỹ sư Nguyễn Huy Vận; Chủ trì thẩm tra thiết kế cấp, thoát nước: Kỹ sư Lê Văn Nguyên.

- Tổng số 13 công trình, hạng mục công trình, cụ thể như sau:

2.1. Xưởng ép (ký hiệu NX7):

- Vị trí xây dựng: Theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 16/01/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy 0,3m (cốt sân đường nội bộ là +2,8, cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường N1) là: 12,0m.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 14.665,0 m².

- Tổng diện tích sàn: 14.665,0 m².

- Chiều cao công trình: 15,10 m.

- Số tầng: 01 tầng.

2.2. Xưởng ép nhựa: (ký hiệu NX8):

- Vị trí xây dựng: Theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 16/01/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy 0,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,8, cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường N1) là: 109,3m.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 14.356,20 m².

- Tổng diện tích sàn: 14.356,20 m².

- Chiều cao công trình: 15,10 m.

- Số tầng: 01 tầng.

2.3 Xưởng đúc khuôn (ký hiệu NX9):

- Vị trí xây dựng: Theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 16/01/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy 0,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,8, cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường N1) là: 206,6m.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 14.356,20 m².

- Tổng diện tích sàn: 14.356,20 m².

- Chiều cao công trình: 15,10 m.

- Số tầng: 01 tầng.

2.4. Nhà văn phòng xưởng 7 (ký hiệu DHX7):

- Vị trí xây dựng: Theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 16/01/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy 0,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,8, cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường N1) là: 88,0m.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 508,80 m².

- Tổng diện tích sàn: 1.559,20 m².

- Chiều cao công trình: 15,80 m.

- Số tầng: 03 tầng.

2.5. Nhà văn phòng xưởng 8 (ký hiệu DHX8):

- Vị trí xây dựng: Theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 16/01/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy 0,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,8, cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường N1) là: 121,0m.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 508,80 m².

- Tổng diện tích sàn: 1.559,20 m².

- Chiều cao công trình: 15,80 m.

- Số tầng: 03 tầng.

2.6. Nhà văn phòng xưởng 9 (ký hiệu DHX9):

- Vị trí xây dựng: Theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 16/01/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy 0,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,8, cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường N1) là: 282,6m.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 508,80 m².

- Tổng diện tích sàn: 1.559,20 m².

- Chiều cao công trình: 15,80 m.

- Số tầng: 03 tầng.

2.7 Nhà bảo vệ 3 (ký hiệu DH2.3):

- Vị trí xây dựng: Theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 16/01/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy 0,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,8, cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường N1) là: 0,50m.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 25,20 m².
- Tổng diện tích sàn: 25,20 m².
- Chiều cao công trình: 4,0m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.8 Công trình Nhà phụ trợ phục vụ sản xuất (Kho chứa chất thải nguy hại, kho rác thải cao su phế liệu, kho chứa nước rửa isopropanol, kho chứa dầu và dầu cắt, kho giẻ lau và thùng 200l, kho tưới phun, kho chứa thùng nhựa) (ký hiệu 11.3, 11.5.1, 11.5.2, 11.5.3, 11.5.4, 11.5.5, 11.5.6):

- Vị trí xây dựng: Theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 16/01/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Cốt nền xây dựng công trình bằng cốt sân đường nội bộ nhà máy 0,00m (cốt sân đường nội bộ là +2,8, cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường N1) là: 400,7m.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 700,50 m².
- Tổng diện tích sàn: 700,50 m².
- Chiều cao công trình: 5,12 m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.9. Nhà bơm cứu hỏa (ký hiệu 11.8):

- Vị trí xây dựng: Theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 16/01/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy 0,20m (cốt sân đường nội bộ là +2,8, cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường N1) là: 406,10m.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 50,0 m².
- Tổng diện tích sàn: 50,0 m².
- Chiều cao công trình: 4,50 m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.10. Bể đáp ứng nhu cầu môi trường (ký hiệu 11.7):

- Vị trí xây dựng: Theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 16/01/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Cốt mặt bể cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy 0,20m (cốt sân đường nội bộ là +2,8, cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường N1) là: 408,60m.

- Diện tích xây dựng: 150,0 m².

2.11. Bể nước cứu hỏa (ký hiệu 11.9):

- Vị trí xây dựng: Theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 16/01/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Cốt mặt bể cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy 0,20m (cốt sân đường nội bộ là +2,8, cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường N1) là: 406,10m.

- Diện tích xây dựng: 300,0 m².

2.12. Bể thu gom nước thải sinh hoạt (ký hiệu 11.11):

- Vị trí xây dựng: Theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 16/01/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Cốt mặt bể cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy 0,20m (cốt sân đường nội bộ là +2,8, cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường N1) là: 233,0m.

- Diện tích xây dựng: 250,0 m².

2.13. Các hạng mục: Tường rào và cổng hiệu số 3; Trạm biến áp 1; Trạm biến áp 2; Bồn khí LPG; Sân, đường nội bộ; hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống điện, hệ thống chống sét xây dựng đồng bộ theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 04678 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp ngày 16/02/2022.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Công thông tin điện tử của Ban;
- Lưu VT, QH.

Đặng Văn Bắc

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)